

Mẫu số 01

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**

**CHỨC DANH: GIÁO SƯ**

**Mã hồ sơ: .....**



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký: **Giảng viên** ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: **Sinh học**; Chuyên ngành: **Thực vật học**

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

**1. Họ và tên người đăng ký:** NGUYỄN TRUNG THÀNH

**2. Ngày tháng năm sinh:** 02/9/1968; Nam: ; Nữ: ; Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không

**3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:**

**4. Quê quán:** xã Lưu Sơn; huyện: Đô Lương; tỉnh: Nghệ An

**5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:** Số nhà TT5, N4, O3, Khu đô thị Bắc Linh Đàm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

**6. Địa chỉ liên hệ:** Khoa Sinh học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: 024.36411191; Điện thoại di động: 0914373627; E-mail: thanhntsh@gmail.com; thanh\_nt@hus.edu.vn

**7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):**

- Từ tháng 9 năm 1992 đến tháng 7 năm 1997: Nghiên cứu viên, làm hợp đồng có bảo hiểm tại Trung tâm nghiên cứu Nấm, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.

- Từ tháng 8 năm 1997 đến tháng 9 năm 1997: Dự khóa học quốc tế về phân loại Nấm trong nông nghiệp và đánh giá môi trường, Viện Nấm Quốc tế, Vương quốc Anh.

- Từ tháng 10 năm 1997 đến tháng 9 năm 1998: Đi thực tập sinh sau đại học tại Trường Đại học Tổng hợp Osaka và Tokyo, Nhật Bản.

*Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước*

- Từ tháng 10 năm 1999 đến tháng 6 năm 2000: Nghiên cứu viên, làm hợp đồng tại Bộ môn Thực vật học, Khoa Sinh học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN.

- Từ tháng 7 năm 2000 đến tháng 8 năm 2001: Nghiên cứu viên, Bộ môn Thực vật học, Khoa Sinh học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN.

- Từ tháng 9 năm 2001 đến tháng 12 năm 2004: Nghiên cứu sinh tại Đại học Quốc gia Chungbuk, Hàn Quốc.

- Từ tháng 01 năm 2005 đến tháng 10 năm 2007: Nghiên cứu viên, Bộ môn Thực vật học, Khoa Sinh học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN.

- Từ tháng 11 năm 2007 đến tháng 9 năm 2010: Giảng viên tại Bộ môn Thực vật học, Khoa Sinh học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN.

- Từ tháng 10 năm 2009 đến tháng 11 năm 2017: Chủ nhiệm Bộ môn Thực vật học, Khoa Sinh học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN.

- Từ tháng 3 năm 2010 đến tháng 12 năm 2017: Chủ nhiệm Bộ môn Thực vật học, kiêm Phó Giám đốc Bảo tàng sinh vật, Khoa Sinh học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN.

- Từ tháng 9 năm 2012 đến tháng 8 năm 2020: Phó trưởng Khoa Sinh học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN.

- Từ tháng 9 năm 2020 đến tháng 4 năm 2022: Trưởng phòng Đào tạo, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN.

- Từ tháng 5 năm 2022 đến nay: Giảng viên cao cấp Khoa Sinh học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN.

- Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng phòng Đào tạo, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN.

- Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Khoa học Thực vật, Khoa Sinh học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN.

+ Địa chỉ cơ quan: 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

+ Điện thoại cơ quan: 024.38582178

- Các chức vụ khác:

+ Từ tháng 4 năm 2015 đến tháng 8 năm 2020: Phó bí thư Chi bộ Khoa Sinh học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN.

+ Từ tháng 4 năm 2015 đến tháng 8 năm 2014: Chi ủy viên Chi bộ Khoa Sinh học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN.

+ Từ tháng 6 năm 2017 đến tháng 8 năm 2020: Chủ tịch Công đoàn Khoa Sinh học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN.

*Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước*

+ Từ năm 2006 đến năm 2009: Nhiệm vụ Trợ lý Chủ nhiệm Khoa về Nghiên cứu khoa học và Quản lý thiết bị, Khoa Sinh học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên.

- Thành giảng tại cơ sở giáo dục đại học (*nếu có*): Không.

**8. Đã nghỉ hưu:** Chưa nghỉ hưu.

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (*nếu có*): Không.

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (*tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ*): Không.

**9. Trình độ đào tạo:**

- Được cấp bằng ĐH ngày 16 tháng 7 năm 1992; số văn bằng: A32293; ngành: Sinh học, chuyên ngành; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 22 tháng 6 năm 1999; số văn bằng: 12124; ngành: Sinh học, chuyên ngành: Vi sinh vật; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, (Bộ Giáo dục và Đào tạo), Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 08 tháng 3 năm 2005; số văn bằng: H2005-5780; ngành: Nông nghiệp, chuyên ngành: Thực vật cây trồng; Nơi cấp bằng TS: Đại học Quốc gia Chungbuk, Hàn Quốc.

- Được cấp bằng TSKH ngày...tháng...năm....; số văn bằng:.....; ngành: .....; chuyên ngành:.....; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): .....

**10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày 10 tháng 11 năm 2011, ngành:** Sinh học.

**11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh GS tại HĐGS cơ sở:** Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.

**12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh GS tại HĐGS ngành, liên ngành:** Sinh học.

**13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:**

**- Tế bào thực vật:**

Ứng viên sau khi tốt nghiệp tiến sĩ đã được Bộ môn phân công đảm nhận giảng dạy các học phần hình thái, giải phẫu và tế bào thực vật cho sinh viên thuộc chương trình đào tạo Chuẩn Sinh học, Tài năng Sinh học và đạt Quốc tế Sinh học. Đã thực hiện 3 đề tài nghiên cứu liên quan đến chuyên môn này [số 1, 2, 6; kê ở Mục 6]; Đã công bố 2 chương sách quốc tế [số 4, 11; kê ở Mục 5] do Nhà xuất bản Springer Nature ban hành và đã công bố 5 bài báo [1, 2, 3, 4, 48; kê ở Mục 7a] trên tạp chí Quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus và các công bố thuộc danh mục quốc tế, quốc gia khác. Hướng dẫn 5 học viên cao học và 7 nhiều sinh viên bảo vệ thành công theo hướng này.

**- Phân loại thực vật:**

Đây là hướng trọng tâm của Bộ môn về đào tạo và nghiên cứu khoa học, Ứng viên đảm nhận các giảng dạy các học phần Thực vật học, Thực vật có bào tử, Thực vật hạt trần và Thực vật có hoa, Tiến hóa thực vật hạt kín và Danh pháp thực vật cho đối tượng sinh viên và học viên sau đại học. Đến nay đã thực hiện 3 đề tài nghiên cứu liên quan đến phân loại [số 3, 4, 7; kê ở Mục 6]; Xuất bản 2 sách chuyên khảo [số 5, 8; kê ở Mục 5] do Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành và công bố 10 bài báo trên tạp chí Quốc tế thuộc ISI/Scopus [34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43; kê ở Mục 7a] và các công bố thuộc danh mục quốc tế, quốc gia khác. Hướng dẫn 3 NCS, 10 học viên cao học và 15 sinh viên bảo vệ thành công theo hướng này.

**- Tài nguyên thực vật và thực vật dân tộc học:**

Đây là hướng không thể tách rời nhiệm vụ trọng tâm của Bộ môn, Ứng viên đảm nhận các giảng dạy các học phần Tài nguyên thực vật, Đa dạng sinh học, Vườn quốc gia và khu bảo tồn, thực vật dân tộc học. Đến nay đã thực hiện 2 và đang thực hiện 2 đề tài nghiên cứu liên quan đến Tài nguyên thực vật và thực vật dân tộc học [số 3, 4, 7, 8; kê ở Mục 6]; Đã xuất bản 1 sách chuyên khảo, 1 chương sách Quốc tế [số 6, 10; kê ở Mục 5] được nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội và IntechOpen, London, United Kingdom ban hành và công bố 8 bài báo trên tạp chí Quốc tế thuộc ISI/Scopus [3, 31, 32, 44, 45, 46, 47, 48; kê ở Mục 7a] và các công bố thuộc danh mục quốc tế, quốc gia khác. Hướng dẫn 3 NCS, 5 học viên cao học và nhiều bảo vệ thành công và hiện nay 1 NCS đang thực hiện đề tài luận án theo theo hướng này.

**14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:**

- Đã hướng dẫn: 07 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên, số lượng: 04 đề tài cấp Bộ và 02 đề tài cấp cơ sở;
- Đã công bố: 117 bài báo khoa học, trong đó 17 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín ISI/Scopus;
- Đã được cấp (số lượng)..... bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 11 (giáo trình, sách chuyên khảo, tham khảo và chương sách chuyên khảo) thuộc nhà xuất bản có uy tín.

**15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):**

- Năm 2022: Huân chương Lao động Hạng III; Số 660/CTN, ngày 08/6/2022, Quyết định về việc tặng thưởng Huân chương Lao động của Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- Năm 2016: Bằng khen Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 1696/QĐ-TTg ngày 31/8/2016, Thủ tướng Chính phủ Nước cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

*Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước*

- Năm 2016: Chiến sĩ thi đua cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 106/QĐ-BGDĐT ngày 12/01/2016, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Năm 2017: Bằng khen Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội; Quyết định số 4948/QĐ-ĐHQGHN ngày 22/12/2017, Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Năm 2020: Giấy khen Ban chấp hành Đảng bộ Đại học Quốc gia Hà Nội về Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 5 năm liên tục 2015-2019; Quyết định số 711-QĐ/ĐU, ngày 20/5/2020, Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Năm 2019: Giấy khen Ban chấp hành Công đoàn Đại học Quốc gia Hà Nội; Số 71/QĐ-KTCD ngày 27/7/2019, Ban chấp hành Công đoàn Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Năm 2018: Giấy khen Ban chấp hành Công đoàn Đại học Quốc gia Hà Nội; Số 45/QĐ-KTCD ngày 16/7/2018, Ban chấp hành Công đoàn Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Năm 2018: Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở 2018; Quyết định số 3256/QĐ-ĐHKHTN ngày 15/10/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên.

- Năm 2017: Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; Quyết định số 3618/QĐ-ĐHKHTN ngày 22/10/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên.

- Năm 2015: Bằng khen của Đại học Quốc gia Hà Nội năm học 2010-2015; Quyết định số 2381/QĐ-ĐHQGHN, ngày 01/7/2015 của Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Năm 2014: Chiến sĩ thi đua cấp Đại học Quốc gia Hà Nội năm học 2013-2014; Quyết định số 3112/QĐ-ĐHQGHN, ngày 08/9/2014 của Đại học Quốc gia Hà Nội.

**16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):** Không.

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ**

### **1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:**

#### **Về tiêu chuẩn nhà giáo**

Là một giảng viên tại Khoa Sinh học, ứng viên được đào tạo cơ bản tại trường đại học có uy tín (Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội trước đây, nay là Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội), tiếp theo được đào tạo chuyên sâu tại các nước tiên tiến. Trước sự phát triển của Khoa học sinh học nói chung, trong đó có Khoa học thực vật, ứng viên luôn ý thức rằng cần không ngừng học tập, nghiên cứu vận dụng kiến thức để phát triển sự nghiệp khoa học của mình, đồng thời đóng góp cho sự phát triển của ngành, chuyên ngành,... Ứng viên luôn có tinh thần tự rèn luyện và nâng cao phẩm chất đạo đức, chính trị của bản thân; phấn đấu và hoàn thiện đạo đức, lối sống của người cán bộ công chức tại mái trường giàu truyền thống bậc nhất trong cả nước. Ứng viên luôn làm việc với tinh thần tự giác, trách nhiệm cao, có ý thức học hỏi và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng được yêu cầu

*Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước*

phát triển của xã hội; đáp ứng được chiến lược phát triển, đổi mới của Nhà trường, Khoa và Bộ môn. Sau khi tu nghiệp, trở về nước năm 2005, ứng viên được phân công đảm nhận nhiều vị trí công tác khác nhau, cụ thể: Trợ lý nghiên cứu khoa học; Chủ nhiệm Bộ môn Thực vật học; Phó giám đốc Bảo tàng Sinh học; Phó trưởng Khoa Sinh học; Phó bí thư Chi bộ Khoa Sinh học; Chủ tịch công đoàn Khoa Sinh học; Trưởng phòng Đào tạo và hiện nay là giảng viên cao cấp tại Bộ môn Khoa học Thực vật, Khoa Sinh học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội. Ở mỗi vị trí, ứng viên đều nỗ lực cố gắng và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Ý thức được trọng trách và sự kỳ vọng của xã hội, bên cạnh việc hoàn thiện bản thân theo những chuẩn mực về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo, ứng viên đã luôn đặt mình trong tâm thế sẵn sàng để có thể hoàn thành những nhiệm vụ lớn hơn, khó khăn hơn và có ý nghĩa lớn lao hơn. Đây là dấu mốc làm tiền đề cho những chặng đường mới tiếp theo là những thành tựu bước đầu trên nhiều phương diện khác nhau của ứng viên. Những thành tựu này cũng minh chứng cho nỗ lực không mệt mỏi của ứng viên trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học:

#### **+ Phát triển nghiên cứu khoa học và ươm tạo các thế hệ tương lai:**

Sau khi về nước công tác, ứng viên đã bắt tay gây dựng các hướng nghiên cứu của chính bản thân ở Bộ môn và Bảo tàng Sinh học, Khoa Sinh học, lấy đối tượng trung tâm là người học (nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên,...), bên cạnh đó phối hợp các đồng nghiệp trong khoa, trường và các đơn vị ngoài nhằm phát triển hướng nghiên cứu khoa học thực vật. Hàng năm số lượng sinh viên đăng ký chuyên ngành thực vật ở bộ môn khoảng trên, dưới 15 sinh viên; 3-5 học viên cao học và 1-2 NCS. Với nỗ lực không ngừng trong suốt thời gian qua ứng viên đã góp phần đào tạo 7 NCS bảo vệ thành công luận án tiến sĩ, hiện nay có 2 NCS đang tiếp tục làm đề tài luận án; trên 20 học viên cao học đã bảo vệ luận văn thạc sĩ; và trên 40 sinh viên đã bảo vệ khóa luận tốt nghiệp theo hướng nghiên cứu khoa học thực vật. Trong số các sinh viên và học viên cao học sau khi được tốt nghiệp đang tiếp tục học lên các bậc học cao hơn ở các nước tiến tiến và các nghiên cứu sinh đã bảo vệ tiến sĩ đã có đóng góp đáng kể cho hướng khoa học thực vật hiện nay ở Việt Nam. Mục tiêu dài hạn là hình thành nhóm nghiên cứu mạnh hướng khoa học thực vật nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và nghiên cứu khoa học xuất sắc đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội đất nước.

**+ Nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng phục vụ cộng đồng:**

Với lợi thế được đào tạo chuyên sâu về khoa học cơ bản, trong suốt thời gian qua những hướng nghiên cứu trọng tâm của ứng viên kết hợp giữa nghiên cứu cơ bản và định hướng ứng dụng tạo ra sản phẩm có giá trị phục vụ chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Những thành tựu nổi bật có thể kể đến như nghiên cứu, sản xuất sinh khối và chất có hoạt tính sinh học của Nhân sâm (*Panax ginseng* C.A. Meyer.) bằng công nghệ nuôi cấy Bioreactor. Công trình đã được nhận Giải thưởng của Hội Khoa học Công nghệ Thực vật, Hàn Quốc, năm 2004; Kết quả nghiên cứu này đã được viết thành chương sách quốc tế uy tín do Nhà xuất bản Springer đặt hàng và xuất bản năm 2014; Nghiên cứu về Sâm ngọc linh nhằm bảo tồn và phát triển nguồn gen quý, hiếm của Việt Nam. Kết quả nghiên cứu đã được viết thành chương sách quốc tế uy tín do Nhà xuất bản Springer Nature đặt hàng năm 2022 và xuất bản năm 2023; Nghiên cứu các bài thuốc của đồng bào dân tộc Thái tại tỉnh Thái Nguyên nhằm bảo tồn tri thức bản địa và các nguồn tài nguyên cây thuốc quý, hiếm. Sản phẩm bài thuốc nam để tắm cho phụ nữ và trẻ em được trưng bày tại Hội chợ TechMart 2015; Kết quả nghiên cứu đã được viết thành chương sách quốc tế uy tín do Nhà xuất bản IntechOpen, London, United Kingdom đặt hàng năm 2022 và xuất bản đầu năm 2023. Trong thời gian tới, ứng viên sẽ tập trung vào các hướng nghiên cứu cơ bản (phân loại nhóm cây lá kim, nguồn cây thuốc quý); thực vật dân tộc học và tài nguyên thực vật, các chất có hoạt tính sinh học thực vật nhằm bảo tồn và phát nguồn tài nguyên thực vật quý, hiếm ở Việt Nam phục vụ chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

**+ Xây dựng và mở rộng hợp tác:**

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, mặc dù đã đạt được những tăng trưởng đáng khích lệ về khoa học và công nghệ, Việt Nam vẫn cần thêm động lực và các mối quan hệ hợp tác để hội nhập nhanh hơn và sâu hơn; đóng góp nhiều hơn cho sự phát triển chung của của nhân loại. Ý thức được tầm quan trọng trong kết nối mở rộng hợp tác, ứng viên từng bước xây dựng và mở rộng hợp tác với nhiều đối tác quốc tế ở các quốc gia phát triển. Nhóm nghiên cứu của ứng viên đã có các công trình công bố chung với các cơ sở đào tạo nghiên cứu nước ngoài, ví dụ như: Đại học Quốc gia Chungbuk, Hàn Quốc; Viện nghiên cứu Tài nguyên Sinh vật, Hàn Quốc; Viện Công nghệ Sinh học ứng dụng, Hàn Quốc; Bộ môn Thực vật, Trường Đại học Karnatak, Dharwad, Ấn Độ; Vườn Thực vật Kunming, Trung Quốc; Vườn thực vật Queen Sirikit, Chiang Mai, Thái Lan; Khoa Nông nghiệp, Trường Đại học Nông nghiệp Chiang Mai, Thái Lan. Trong thời gian tới, ứng viên sẽ tiếp tục củng cố các mối quan hệ sẵn có, mở rộng liên kết với các cơ sở giáo dục và nghiên cứu uy tín khác góp phần nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trong lĩnh vực khoa học thực vật nói riêng và sinh học nói chung.

## 2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 15 năm 7 tháng.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (tính viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1.	2020-2021	1	1	3	0	228,0	157,5	385,5/701,2/60
2.	2021-2022	0	1	3	6	226,5	112,5	339,0/567,7/60
3.	2022-2023	1	1	0	2	183,0	112,5	295,5/450,2/240

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

## 3. Ngoại ngữ:

### 3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh.

a) Được đào tạo ở nước ngoài:  / Viết và bảo vệ luận án tiến sĩ tại Hàn Quốc, năm 2004 bằng tiếng Anh.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Anh.

- Nơi giảng dạy: Khoa Sinh học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.

+ Học phần đã giảng dạy cho Chương trình đào tạo Sinh học đạt chuẩn Quốc tế liên kết với Đại học Tufts, Hoa Kỳ từ năm 2009 cho đến nay, bao gồm: (1). Botany; (2). Plants and Humanity; (3). Scientific Research II: Lab-based Research; (4). Tropical Ecology and Conservation.

d) Đối tượng khác;  Diễn giải: Không.

### 3.2. Tiếng Anh (chứng chỉ):

- TOEIC, năm 2004.

- Chứng chỉ học tập phương pháp giảng dạy sinh học, Đại học Tufts, Hoa Kỳ.

- Chứng chỉ giáo dục đại học, Đại học Arizona, Hoa Kỳ.



#### 4. Hướng dẫn NCS đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ... đến...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1.	Nguyễn Thị Bích Thùy	x			x	2010-2014	Viện Khoa học Nông nghiệp, Bộ NN&PTNT	02/06/2015.
2.	Lê Thị Thanh Hương	x		x		2011-2014	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	21/12/2015; Quyết định số: 5076/QĐ-ĐHKHTN
3.	Lê Nguyệt Hải Ninh	x			x	2012-2015	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	30/08/2018; Quyết định số: 3059/QĐ-ĐHKHTN
4.	Ngô Đức Phương	x		x		2014-2017	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	16/10/2020; Quyết định số: 3165/QĐ-ĐHKHTN
5.	Lương Văn Dũng	x			x	2014-2017	Trường Đại học Khoa học, ĐHQGHN	09/08/2019; Quyết định số: 2515/QĐ-ĐHKHTN
6.	Phạm Thị Oanh	x		x		2014-2017	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	29/10/2019; Quyết định số: 3310/QĐ-ĐHKHTN
7.	Changyoung Lee	x		x		2015-2018	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	06/06/2023; Quyết định số: 1722/QĐ-ĐHKHTN
8.	Trần Thị Thúy	x			x	2018-2021	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	Đang thực hiện luận án
9.	Lã Thị Thùy	x		x		2019-2022	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	Đang thực hiện luận án

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

**5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:**

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
<b>I Trước khi được công nhận PGS</b>							
1.	Danh lục Nấm Việt Nam	TK	Nxb Nông nghiệp, Việt Nam, năm 2001	7	Đồng tác giả	104-217	Có giấy xác nhận sử dụng TK
2.	PROSEA 12, Medicinal and poisonous plants 2. <i>Dianella ensifolia</i> (L.) DC.	TK	Backhuys Publisher, Leiden, Netherlands, năm 2001	2	Đồng tác giả	223-224	Có giấy xác nhận sử dụng TK
<b>II Sau khi được công nhận PGS</b>							
3.	Từ điển bách khoa thực vật học Việt Nam.	TK	Nxb Giáo dục, Việt Nam, năm 2014	13	Đồng tác giả, thư ký	11-671	Có giấy xác nhận sử dụng TK
4.	Production of biomass and Bioactive compounds using bioreactor technology: Chapter 6. Ginseng Cell Culture for Production of Ginsenosides	CK	Springer Dordrecht Heidelberg New York London, năm 2014 DOI 10.1007/978-94-017-9223-3_6	3	Tác giả chính của chương sách	121-142	Có giấy xác nhận sử dụng CK
5.	Hệ thực vật Việt Nam - họ Hoàng liên gai (Berberidaceae Juss.).	CK	Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2022	2	Đồng chủ biên	1-268	Có giấy xác nhận sử dụng CK
6.	Cây thuốc trong cộng đồng dân tộc thiểu số ở tỉnh Thái Nguyên.	CK	Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2022	2	Đồng chủ biên	1-426	Có giấy xác nhận sử dụng CK

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
7.	Thực vật khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.	TK	Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2022	9	Đồng tác giả	1-398	Có giấy xác nhận sử dụng TK
8.	Phân loại họ Chè (Theaceae D. Don) ở tỉnh Lâm Đồng.	CK	Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2023	2	Đồng chủ biên	1-287	Có giấy xác nhận sử dụng CK
9.	Danh pháp thực vật	GT	Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2023	3	Chủ biên	1-323	QĐ số 1980/QĐ-ĐHKHTN
10.	Herbs and Spices - New Advances: Chapter 7. Medicinal plants of the Tay ethnic group in Thai Nguyen province.	CK	IntechOpen, London, United Kingdom, 2022 DOI: 10.5772/Intechopen.108771	5	Tác giả liên hệ của chương sách	157-177	Có giấy xác nhận sử dụng CK
11.	Bioactive Compounds in the Storage Organs of Plants: Chương "Bioactive Compounds and Biological Activities of Vietnamese Ginseng ( <i>Panax Vietnamensis</i> Ha et Grushv.)".	CK	Springer Nature Accepted 2023, Springer Nature. DOI: 10.1007/978-3-031-29006-0		Tác giả chính và tác giả liên hệ của chương sách	1-25	Có giấy xác nhận sử dụng CK

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [ ], .....

**Lưu ý:**

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang....đến trang...(ví dụ: 17-56; 145-329).

**6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:**

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN/ TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
<b>I</b>	<b>Trước khi được công nhận PGS/TS</b>				
1.	"Nghiên cứu môi trường tối ưu để sản xuất sinh khối và các chất có hoạt tính sinh học của Sâm Ngọc Linh ( <i>Panax vietnamensis</i> Ha et Grushv) bằng phương pháp nuôi cấy lỏng".	CN	QG.06.14 Đại học Quốc gia Hà Nội.	2006- 2008	08/8/2008 Tốt
2.	"Phân lập một số chủng Sâm Việt Nam có hoạt tính sinh học cao và nghiên cứu công nghệ sản xuất sinh khối của chúng".	CN	6.089.06 Bộ Khoa học Công nghệ. Chương trình nghiên cứu cơ bản trong khoa học sự sống.	2006- 2008	20/7/2009 Đạt
3.	"Nghiên cứu đa dạng thực vật của Khu bảo tồn Thiên nhiên Chạm Chu, tỉnh Tuyên Quang làm cơ sở cho công tác bảo tồn".	CN	46/2008/HD-DT Đại học Quốc gia Hà Nội. (Trung tâm Nghiên cứu châu Á hỗ trợ kinh phí)	2008- 2010	07/8/2010 Tốt
4.	"Nghiên cứu sự đa dạng sinh học về thành phần loài tại Bảo tàng Thực vật, Khoa Sinh học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên".	CN	TN.01.14 Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	2000- 2001	20/8/2001 Tốt
5.	"Sử dụng Compost nấm để sản xuất rau sạch".	CN	TN.96.19 Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	1996- 1997	20/01/2000 Tốt
<b>II</b>	<b>Sau khi được công nhận PGS</b>				
6.	"Nghiên cứu khả năng bảo tồn ngoại vi ( <i>Ex situ</i> ) và nhân giống loài Lan kim tuyến ( <i>Anoectochilus setaceus</i> Blume) nhằm bảo tồn nguồn gen quý và phát triển nguồn dược liệu".	CN	QGTD.11.02 Đại học Quốc gia Hà Nội	2011- 2013	21/01/2014 Tốt

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN/ TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
7.	"Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học, thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của một số loài trong họ Thông đỏ (Taxaceae S.F. Gray) ở Việt Nam".	CN	106.03-2020.28 Bộ Khoa học và Công nghệ. Nafosted.	10/2020 đến 9/2023	Dự kiến trước 30/9/2023
8.	"Sustainable conservation and value adding locally edible floral species in the Mekong regions".	CN	Đề tài hợp tác quốc tế: (The funded by Mekong-Lancang Cooperation Special Fund)	2022- 2023	Dự kiến trước 30/12/2024

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

**7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố** (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

**7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:**

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
<b>I</b>	<b>Trước khi được công nhận PGS</b>							
<b>Tạp chí thuộc danh mục ISI/Scopus và quốc tế khác</b>								
1.	Effect of oxygen supply on cell growth and saponin production in bioreactor cultures of <i>Panax ginseng</i> .	6	x	Journal of Plant Physiology; 0176-1617, 1618-1328.	ISI; IF: 3.549; Q2;	66	163(12): 1337-1341 DOI: 10.1016/j.jplph.2005.08.014	2/2006
2.	Effect of carbon dioxide on cell growth and saponin production in suspension cultures of <i>Panax ginseng</i> .	6	x	Journal of Biologia Plantarum; 1573-8264, 0006-3134	IF: 1.74; Q2;	22	50(4): 752-754	12/2006

3.	Induction in the antioxydative systems and lipid peroxidation in suspension culture roots of <i>Panax ginseng</i> C.A. Meyer induced by oxygen in bioreactors.	6		Plant Science; 0168-9452, 1873-2259	ISI; IF: 5.36; Q1;	22	169(5): 833-841. DOI: 10.1016/j.plantsci.2005.05.029	11/2005
4.	Methyl jasmonate elicitation enhanced synthesis of ginsenoside by cell suspension cultures of <i>Panax ginseng</i> in 5-l balloon type bubble bioreactors.	5	x	Applied Microbiol. & Biotechnol; Germany; 1432-0614, 0175-7598	Scopus; IF: 3.53; Q1;	>50	67(2): 197-201. DOI: 10.1007/s00253-004-1759-3	11/2004
5.	Vitro culture of Jewel orchids ( <i>Anoectochilus setaceus</i> Blume).	6	x	Annual Reports of ICBiotech, Osaka University, Japan.	-	-	33: 436-444	2011
6.	Phylogenetic analysis of <i>Sagenomella</i> and relatives based on nuclear 18S ribosomal RNA gene sequences with the determination of ubiquinone system.	5	x	Annual Reports of ICBiotech, Osaka University, Japan.	-	-	21: 307-318	1998
<b>Tạp chí thuộc danh mục chuyên ngành, hội nghị trong nước</b>								
7.	Nghiên cứu khả năng tạo rễ bất định của sâm Ngọc Linh ( <i>Panax vietnamensis</i> , Ha et Grushv.) trong nuôi cấy <i>in vitro</i> .	3	x	Khoa học ĐHQGHN 0866-8612	-	-	27(1): 30-36	3/2011
8.	Kết quả nghiên cứu bước đầu về hiện trạng thảm thực vật ở Khu bảo tồn thiên nhiên Phù Hoàng, tỉnh Nghệ An.	2	x	Khoa học ĐHQGHN 0866-8612	-	-	27(2): 113-117	6/2011
9.	The Flora of Pu Huong Nature Reserve Area, Nghe An province.	2	x	VNU J. of Sciences 0866-8612	-	-	27(2S): 104-108	6/2011
10.	Đặc điểm hình thái, phân bố loài Lan Kim tuyến ( <i>Anoectochilus setqceus</i> blume) ở vườn Quốc gia Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.	3	x	Khoa học ĐHQGHN 0866-8612	-	-	26(2): 104-109	6/2010

11.	Cell suspension culture <i>Panax ginseng</i> C. A. Meyer: Role of plant growth regulators and medium composition on biomass and ginsenoside production.	2	x	VNU J. of Sciences 0866-8612	-	-	26(3): 191-196	3/2010
12.	Nghiên cứu kỹ thuật nhân nhanh chồi in vitro loài Lan kim tuyến ( <i>Anoectochilus roxburghii</i> (Wall.) Lindl.).	3	x	Khoa học ĐHQGHN 0866-8612	-	-	26(4): 248-253	12/2010
13.	The Flora of Vu Quang National Park, Ha Tinh province.	2	x	VNU J. of Sciences 0866-8612	-	-	26(4S): 642-646	12/2010
14.	Đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc ở rừng đặc dụng Yên Tử, Quảng Ninh.	2	x	Khoa học ĐHQGHN 0866-8612	-	-	25(1): 35-39	3/2009
15.	Nhân giống Trúc sào ( <i>Phyllostachys edulis</i> (Carr.) Houz. de Lehaie) bằng phương pháp giâm hom thân ngầm tại tỉnh Cao Bằng.	5		Khoa học ĐHQGHN 0866-8612	-	-	25(2): 94-100	6/2009
16.	Phân tích yếu tố địa lý của hệ thực vật khu Bảo tồn Thiên nhiên Chạm Chu, tỉnh Tuyên Quang.	2	x	Khoa học ĐHQGHN 0866-8612	-	-	25(4): 252-257	12/2009
17.	Effects of macro elements on biomass and ginsenoside production in cell suspension culture of Ngọc Linh ginseng ( <i>Panax vietnamensis</i> Ha et Grushv.).	3	x	VNU J. of Sciences 0866-8612	-	-	24(3) 248-252	9/2008
18.	Nhân nhanh rễ bất định Nhân sâm ( <i>Panax ginseng</i> C.V. Meyer): ảnh hưởng của một số nhân tố lý hóa lên sự tăng trưởng sinh khối và sản phẩm trao đổi chất ginsenosides.	2	x	Khoa học ĐHQGHN 0866-8612	-	-	24(4): 318-323	12/2008
19.	Medicinal plant diversity at Cham Chu Nature Reserve Area, Tuyen Quang province.	3	x	VNU J. of Sciences 0866-8612	-	-	24(2S): 298-302.	6/2008

20.	Role of medium compositions supply on cell growth and saponin production during cell suspension culture of mountain ginseng ( <i>Panax ginseng</i> C.A. Mayer).	2	x	VNU J. of Sciences 0866-8612	-	-	24(2S): 394-399.	6/2008
21.	Nghiên cứu tính đa dạng thực vật góp phần bảo tồn chúng ở rừng đặc dụng Yên Tử, Quảng Ninh.	4		Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn 0866-7020	-	-	3: 53-56	2008
22.	Cultivation of ginseng ( <i>Panax ginseng</i> C. A. Meyer) in bioreactor: role of ethylene on cell growth and ginsenosides production.	2	x	J. of Biology 0866-7160	-	-	29(4): 42-48.	12/ 2007
23.	Flora of the Research Forest in Yen Tu, Quang Ninh.	3	x	VNU J. of Sciences 0866-8612	-	-	23(3): 194-199	9/2007
24.	Effecting of medium composition on biomass and ginsenoside production in cell suspension culture of <i>P. vietnamensis</i> Ha et Grushv.	3	x	VNU J. of Sciences 0866-8612	-	-	23(4): 269-274	12/ 2007
25.	Diversity of plant resources at the Khu Ca Nature Reserve Area, Ha Giang province.	4		VNU J. of Sciences 0866-8612	-	-	23(1S): 6-11.	3/2007
26.	Induction and proliferation of callus of Ngoc Linh ginseng ( <i>Panax vietnamensis</i> Ha et Grushv.): Effects of plant growth regulators.	3	x	VNU J. of Sciences 0866-8612	-	-	23(1S): 167-173.	3/2007
27.	Các kiểu thảm thực vật ở Khu Bảo tồn thiên nhiên Khu Ca, tỉnh Hà Giang.	4		Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn 0866-7020	-	-	8: 51-54	3/2007



28.	Nuôi cấy rễ bất định của sâm Ngọc Linh ( <i>Panax vietnamensis</i> Ha et Grushv.).	3	x	Báo cáo Hội nghị Quốc gia; Những vấn đề cơ bản trong Khoa học Sự sống.	-	-	Pp. 828-831.	2007
29.	Floristical Characteristics of Cham Chu Nature Reserve Area.	3	x	VNU J. of Sciences 0866-8612	-	-	22(3C): 45-50.	9/2006
30.	Large-scale cultivation of <i>Panax ginseng</i> C.A. Meyer cell suspension for ginsenosides production: effect of inoculum size.	5	x	VNU J. of Sciences 0866-8612	-	-	21(4): 194-198	12/2005
<b>II</b>	<b>Sau khi được công nhận PGS</b>							
	<b>Tạp chí thuộc danh mục ISI/Scopus và quốc tế khác</b>							
31.	Amenyunnaosides A-C, Three New Neolignans Isolated from <i>Amentotaxus yunnanensis</i> and Their Anti-inflammatory Activities.	9	x	Chemistry & Biodiversity; 1612-1872/1612-1880	ISI; IF:2.745; Q4	0	e202300604 doi: 10.1002/cb.dv.202300604.	5/2023
32.	Essential oils from the leaves of <i>Fokienia hodginsii</i> (Dunn) A. Henry & H. H. Thomas and <i>Amentotaxus argotaenia</i> (Hance) Pilg. and their Antimicrobial Activity.	6	x	Journal of Essential Oil Bearing Plants; England; 0972-060X/0976-5026	ISI; Scopus; IF:1,971; Q3.	02	26(1): DOI: 10.1080/0972060X.2022.2159543	2/2023
33.	<i>Camellia maianhii</i> (Theaceae), A New Species of Red-Flowered <i>Camellia</i> from the North Central Coast Region of Vietnam.	5	x	Journal of Botany Research; 2643-6027	-	0	6(1): 176-183 DOI: 10.36959/771/576	3/2023
34.	<i>Aristolochia thotteaeformis</i> , a distinct new species from southern Vietnam.	6		Phytotaxa; 1179-3155/1179-3163	ISI; Scopus; IF: 1.05; Q2	0	547(2): 167-176 DOI: 10.11646/phytotaxa.547.2.4	5/2022

35.	Genetic Evaluation in Natural Populations of the Threatened Conifer <i>Amentotaxus argotaenia</i> (Hance) Pilg. (Taxaceae) Using Microsatellites.	9	x	Forests; 1999-4907	ISI; Scopus; IF: 3.28; Q1	0	13(9), 1452: 1-14 DOI: 10.3390/f13091452	9/2022
36.	Taxonomic notes of three Tea-plants ( <i>Camellia</i> sect. <i>Thea</i> ) recently Described in Vietnam.	5	x	Beverage Plant Research; 2769-2108	-	0	2(21): 1-3. DOI: 10.48130/BPR-2022-0021	12/2022
37.	<i>Oreocharis phuongii</i> (Gesneriaceae), a new species from central Vietnam.	6	x	PhytoKeys; Bulgaria; 1314-2011/1314-2003	ISI; Scopus; IF: 1.317; Q2	02	193: 43-53; DOI: 10.3897/phytokeys.193.77083	3/2022
38.	<i>Arachniodes libingii</i> sp. nov. and <i>A. vietnamensis</i> sp. nov. (Dryopteridaceae), two new ferns from southern China and central Vietnam.	5	x	Phytotaxa; New Zeland; 1179-3155/1179-3163	ISI; Scopus; IF: 1.171; Q3	01	522(3): 256-262; DOI: 10.11646/PHYTOTAXA.522.3.9	9/2021
39.	Notes on taxonomy of the genus <i>Argostemma</i> (Rubiaceae) from Vietnam.	5		Thai Forest Bulletin (Botany); Thailand; 2465-423X/0495-3843	IF: 0.53; Q3	02	48(2): 234-238 DOI: 10.20531/tfb.2020.48.2.16	12/2020
40.	<i>Ophiorrhiza hoanglienensis</i> (Rubiaceae), a new species from north-western Vietnam. Q3; IF = 1.17	5	x	Phytotaxa; 1179-3155/1179-3163	ISI; Scopus; IF: 1.171; Q3.	03	438(4): 256-262 DOI: <a href="https://doi.org/10.11646/phytotaxa.438.4.4">https://doi.org/10.11646/phytotaxa.438.4.4</a>	4/2020
41.	<i>Aristolochia binhthuanensis</i> (Aristolochiaceae), a new species and a key to the species of <i>A.</i> subgen. <i>Aristolochia</i> in Vietnam.	6		Annales Botanici Fennici; 0003-3847/1797-2442	ISI; Scopus; IF: 0.516; Q3	06	56(4-6): 241-246 DOI: 10.5735/085.056.0408	5/2019

42.	The complete chloroplast genome sequence of a vulnerable legume species <i>Dalbergia tonkinensis</i> prain in Vietnam.	7		Mitochondria 1 DNA Part B: Resources; 2380-2359	ISI; Scopus; IF: 0.843; Q4	01	4(2): 2604-2605 doi: 10.1080/23802359.2019.1641441	7/2019
43.	Genetic variation and outcrossing rates of the endangered tropical species <i>Dipterocarpus dyeri</i> .	8		Journal of Tropical Forest Science; Malaysia; 0128-1283/2521-9847	ISI; Scopus; IF: 0.621; Q3	05	31(2): 259-267. DOI: 10.26525/jtfs2019.31.2.259267	2019
44.	The Rhizome Essential Oil of <i>Curcuma cochinchinensis</i> Gagnep from Vietnam.	5		Journal of Essential Oil Bearing Plants; England; 0972-060X/0976-5026	ISI; Scopus; IF: 0.834; Q4.	03	21(6): 1669-1673 <a href="https://doi.org/10.1080/0972060X.2018.1562384">https://doi.org/10.1080/0972060X.2018.1562384</a>	2018
45.	The rhizome essential oil of <i>Curcuma aeruginosa</i> Roxb. (Zingiberaceae) from Vietnam.	6		Trends in Phytochemical Research; 2588-3623/2588-3631	IF: 3.373;	07	2(3): 179-184	9/2018
46.	Ethnobotanical study on medicinal plants used by local Van Kieu ethnic people of Bac Huong Hoa Nature Reserve, Vietnam.	11	x	Journal of Ethnopharmacology; 0378-8741 / 1872-7573	ISI; IF: 3.636; Q1	36	231: 283-294; DOI: 10.1016/j.jep.2018.11.006	11/2018
47.	Osmotic Stress Acclimation of Potato ( <i>Solanum tuberosum</i> L.) HH7 Variety Seedlings Induced by Germination in Sorbitol Containing Medium <i>In-Vitro</i> .	5		Journal of Chemical, Biological and physical Science; 2249-1929	-	0	7(2): 484-497	02/2017
48.	Optimization of ginseng cell culture in airlift bioreactors and developing the large-scale production system.	3	x	Industrial Crops and Products; 0926-6690 / 1872-633X	ISI; Scopus; IF: 6.04; Q1	35	60: 343-348 <a href="https://doi.org/10.1016/j.indcrop.2014.06.036">https://doi.org/10.1016/j.indcrop.2014.06.036</a>	2014

Tập chí thuộc danh mục chuyên ngành, hội nghị trong nước								
49.	Nghiên cứu các kiểu thảm thực vật tại Khu bảo tồn thiên nhiên Chạm Chu, tỉnh Tuyên Quang.	3	x	Khoa học ĐHQGHN 2615-9317 e.2588-1140	-	-	38(3): 1-9	9/2022
50.	Anatomical Features of <i>Scutellaria tonkinensis</i> Doan in Vietnam.	4	x	VNU J. of Sciences 2615-9317 e.2588-1140	-	-	38(4): 1-5	12/2022
51.	<i>Primulina jingxiensis</i> , a new record and confirmation of <i>Loxostigma dongxingensis</i> for the Flora of Vietnam.	4		VNU J. of Sciences 2615-9317 e.2588-1140	-	-	38(4): 50-55	12/2022
52.	Đa dạng nguồn tài nguyên cây ăn được tại Khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Hương Hóa, tỉnh Quảng Trị.	7	x	Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn 1859-4581	-	-	430: 95-101	2022
53.	<i>Piper ribesioides</i> Wall., a Newly Recorded Species for the Flora of Vietnam.	4		VNU J. of Sciences 2615-9317 e.2588-1140	-	-	37(2): 14-17	6/2021
54.	<i>Conamomum Pierreanum</i> (Gagnep.) Skornick. & A. D. Poulsen (Zingiberaceae), a New Record for the Flora of Vietnam.	8	x	VNU J. of Sciences 2615-9317 e.2588-1140	-	-	37(2): 41-45	6/2021
55.	Thành phần hóa học của tinh dầu từ lá kim và cành phân loài Vân sam phan xi păng ( <i>Abies delavayi</i> Franch subsp. <i>fansipanensis</i> (Q. P. Xiang&al) Rushforth) ở Lào Cai.	5		Khoa học ĐHQGHN 2615-9317 e.2588-1140	-	-	37(4): 88-93	12/2021
56.	Khóa định loại các loài trong chi Ráng thù xỉ - <i>Arachniodes</i> Blume (Dryopteridaceae) ở Việt Nam dựa trên hình thái bào tử.	4		Báo cáo khoa học, Hội nghị toàn quốc lần thứ Ba hệ thống bảo tàng thiên nhiên Việt Nam,	-	-	Pp. 305-314	2021

57.	Xây dựng khóa định loại và danh lục các loài trong chi Ráng thù xỉ ( <i>Arachniodes</i> Blume) thuộc họ Ráng cánh bản ( <i>Dryopteridaceae</i> ) ở Việt Nam			Báo cáo khoa học, Hội nghị toàn quốc lần thứ Ba hệ thống bảo tàng thiên nhiên Việt Nam	-	-	Pp. 315-322	2021
58.	Bước đầu nghiên cứu tính đa dạng của họ Tai voi ( <i>Gesneriaceae</i> ) trên núi đá vôi ở Đông Bắc, Việt Nam.	3		Báo cáo khoa học, Hội nghị toàn quốc lần thứ Ba hệ thống bảo tàng thiên nhiên Việt Nam	-	-	Pp. 323-332	2021
59.	Nghiên cứu phân loại chi <i>Mycetia</i> Reinw. ( <i>Argostemmatae</i> - <i>Rubiaceae</i> ) ở Việt Nam.	3		Báo cáo khoa học, Hội nghị toàn quốc lần thứ Ba hệ thống bảo tàng thiên nhiên Việt Nam	-	-	Pp. 367-375	2021
60.	Thành phần hóa học của tinh dầu lá loài Dẻ tùng vân nam ( <i>Amentotaxus yunnanensis</i> H.L. Li) từ Hà Giang.	5		Khoa học ĐHQGHN 2615-9317 e.2588-1140	-	-	36(1): 20-24.	3/2020
61.	Curcumin điều hòa giảm sự biểu hiện marker tế bào gốc ung thư CD44 và ức chế sự sinh trưởng của các tumorsphere trong điều kiện nuôi cấy 3D ở dòng tế bào ung thư dạ dày MKN45	3		VNU J. of Sciences 2615-9317 e.2588-1140	-	-	36(3): 70-79.	9/2020
62.	Curcumin ức chế sự tăng sinh, cảm ứng apoptosis và làm giảm sự biểu hiện của aldehyde dehydrogenase ở tế bào ung thư dạ dày MKN45.	3		Khoa học ĐHQGHN 2615-9317 e.2588-1140	-	-	36(3): 80-87.	9/2020
63.	<i>Aspidistra papillata</i> G.Z.Li ( <i>Asparagaceae</i> Juss.): Loài bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam.	3	x	Khoa học ĐHQGHN 2615-9317 e.2588-1140	-	-	36(4): 69-76.	12/2020

64.	The Fern Genus <i>Arachniodes</i> (Dryopteridaceae): A New Record for the Flora of Vietnam.	4	x	VNU J. of Sciences 2615-9317 e.2588-1140	-	-	36(4): 77-81.	12/2020
65.	<i>Ophiorrhiza fangdingii</i> (Rubiaceae), a New Record for the Flora of Vietnam.	4		VNU J. of Sciences 2615-9317 e.2588-1140	-	-	35(1): 57-60	3/2019
66.	Đánh giá hoạt tính sinh học một số loài thực vật tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Bắc Hướng Hóa và vùng lân cận, tỉnh Quảng Trị.	7	x	Khoa học ĐHQGHN 2615-9317 e.2588-1140	-	-	35(1): 119-126.	3/2019
67.	<i>Prosaptia contigua</i> C. Presl (Grammitidaceae), a New Record for Vietnam.	3	x	VNU J. of Sciences 0866-8612	-	-	35(2): 44-49.	6/2019
68.	<i>Aristolochia Mulunensis</i> (Aristolochiaceae), a New Record and Notes on Taxonomy, Distribution of some <i>Aristolochia</i> Species for the flora of Vietnam	3		VNU J. of Sciences 0866-8612	-	-	35(2): 58-64.	6/2019
69.	Bổ sung một loài thực vật ở miền Bắc Việt Nam thuộc chi Riềng ( <i>Alpinia</i> Roxb.) họ Gừng (Zingiberaceae) cho hệ thực vật Việt Nam.	5	x	Khoa học ĐHQGHN 0866-8612	-	-	35(3): 102-107.	9/2019
70.	Nghiên cứu khả năng ứng dụng dịch chiết củ Gừng ( <i>Zingiber officinale</i> Rosc) để chế tạo hạt nano bạc và đánh giá khả năng kháng khuẩn.	4		Khoa học ĐHQGHN 0866-8612	-	-	35(3): 118-127.	9/2019
71.	All trans retinoic acid điều hòa biểu hiện gene của con đường tín hiệu lão hoá tế bào ở dòng tế bào ung thư dạ dày MKN45.	4		Khoa học ĐHQGHN 0866-8612	-	-	35(4): 29-36.	12/2019
72.	<i>Mahonia subimbricata</i> chun & f. chun (berberidaceae), a newly recorded medicinal plant species for the Flora of Vietnam.	5		Journal of Medicinal Materials 1859-4735	-	-	24(3): 189-192.	9/2019

73.	<i>Mahonia retinervis</i> P.G. Xiao & Y.S. Wang (Berberidaceae), a newly recorded medicinal plant species for the flora of Vietnam.	5		Journal of Medicinal Materials 1859-4735	-	-	24(5): 318-320.	2019
74.	Bổ sung một số loài cây thuốc thuộc chi <i>Mahonia</i> Nutt., họ Hoàng liên gai (Berberidaceae) cho hệ thực vật Việt Nam.	5		Dược học 0866-7861	-	-	524(59): 76-80	2019
75.	Thành phần loài vi khuẩn lam có tế bào dị hình ( <i>Heterocytous cyanobacteria</i> ) trong một số loại đất trồng ở tỉnh Nghệ An.	4		Khoa học ĐHQGHN 2615-9317 e.2855-1140	-	-	34(1): 21-30.	3/2018
76.	Hiện trạng quần thể loài Giỏi chanh - <i>Michelia citrata</i> (Noot. & Chalermglin) Q. N. Vu and N. H. Xia tại rừng Cao Tả Tùng, huyện Quán Bạ, tỉnh Hà Giang.	5	x	Khoa học ĐHQGHN 2615-9317 e.2855-1140	-	-	34(1): 76-83.	3/2018
77.	Medicinal plant diversity at Cham Chu Nature Reserve Area, Tuyen Quang Province.	4	x	VNU J. of Sciences 2615-9317 e.2855-1140	-	-	34(2): 41-45.	6/2018
78.	<i>Aristolochia chlamydophylla</i> (Aristolochiaceae), a New Record for the Flora of Vietnam.	4		VNU J. of Sciences 2615-9317 e.2855-1140	-	-	34(2): 69-73.	6/2018
79.	Một số đặc điểm sinh học và sinh thái loài Thanh mai ( <i>Myrica rubra</i> ) ở xã Cao Mã Pờ, huyện Quán Bạ, tỉnh Hà Giang.	8		Khoa học ĐHQGHN 2615-9317 e.2855-1140	-	-	34(3): 40-53.	9/2018
80.	A New Record Species in the Genus <i>Alpinia</i> ( <i>Alpinia graminifolia</i> D. Fang & G.Y. Lo) for Vietnam's Flora.	5		VNU J. of Sciences 2615-9317 e.2855-1140	-	-	34(4): 54-58.	12/2018
81.	A new record Species for Flora of Vietnam - <i>Curcuma singularis</i> Gagnep. (Zingiberaceae).	7	x	VNU J. of Sciences 0866-8612	-	-	33(1): 25-29.	3/2017

82.	<i>Alpinia rugosa</i> S. J. Chen & Z. Y. Chen (Zingiberaceae) loài bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam.	4		Khoa học ĐHQGHN 0866-8612	-	-	33(1): 101-104.	3/2017
83.	Bổ sung loài Gừng lá sáng bóng ( <i>Zingiber nitens</i> M. F. Newman) (Zingiberaceae) cho hệ thực vật Việt Nam.	5		Khoa học ĐHQGHN 2588-1140	-	-	33(2): 46-50.	6/2017
84.	Đặc điểm sinh học, sinh thái của loài Hoàng liên ô rô lá dày ( <i>Mahonia bealei</i> (Fortune) Pynaert) ở Việt Nam.	7		Khoa học ĐHQGHN 2588-1140	-	-	33(2): 51-57.	6/2017
85.	Góp phần nghiên cứu phân loại chi Ráng màng ( <i>Hymenophyllum</i> Sm.) họ Ráng màng (Hymenophyllaceae) ở Việt Nam.	3		Khoa học ĐHQGHN 2588-1140	-	-	33(3): 26-33.	9/2017
86.	<i>Ficus squamosa</i> Roxb. (Họ Dâu tằm - Moraceae) được ghi nhận mới cho hệ thực vật Việt Nam.	4	x	Khoa học ĐHQGHN 2588-1140	-	-	33(3): 94-97.	9/2017
87.	Góp phần kiểm kê các taxon thuộc chi Thông tre theo <i>quan niệm hẹp</i> <i>Podocarpus</i> L'Hér. ex Pers. <i>s.str.</i> , họ Thông tre (Podocarpaceae) ở Việt Nam.	3		Khoa học ĐHQGHN 0866-8612	-	-	33(4): 15-26.	12/2017
88.	Góp phần nghiên cứu phân loại họ Ráng màng (Hymenophyllaceae) ở Việt Nam.	3		Báo cáo Khoa học về Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật. HNKH toàn quốc lần thứ 7	-	-	Pp. 200-205.	2017



89.	Ghi nhận loài <i>Strobilanthes hossei</i> C. B. Clarke, họ Ô rô (Acanthaceae) có phân bố ở Việt Nam.	6		Báo cáo Khoa học về Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật. Hội nghị khoa học toàn quốc lần thứ 7	-	-	Pp. 309-312.	2017
90.	Nghiên cứu tri thức và kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của các dân tộc thiểu số ở tỉnh Thái Nguyên để bảo tồn và phát triển bền vững.	2	x	Khoa học ĐHQGHN 0866-8612	-	-	32(1): 55-64.	3/2016
91.	Đa tử trà lá nhỏ ( <i>Polyspora microphylla</i> Luong, Nguyen et Truong) một loài mới thuộc họ Chè (Theaceae) ở Việt Nam.	4		Khoa học ĐHQGHN 0866-8612	-	-	32(2): 1-5.	6/2016
92.	A Taxonomic Study of the Genus <i>Blastus</i> Lour. (Melastomataceae) in Vietnam.	3	x	VNU J. of Science 0866-8612	-	-	32(1S): 39-47.	3/2016
93.	A Review of the Genus <i>Keteleeria</i> (Pinaceae) in Vietnam.	3		VNU J. of Science 0866-8612	-	-	32(1S): 123-134.	3/2016
94.	Xử lý hữu hiệu cho công bố khoa học của ba loài Trà hoa vàng thuộc chi <i>Camellia</i> L. (Theaceae).	3		Báo cáo Khoa học, Hội nghị toàn quốc lần thứ Hai Hệ thống Bảo tàng thiên nhiên Việt Nam, 2016. 978-604-913-440-1	-	-	530-534.	2016
95.	Ảnh hưởng của điều kiện ánh sáng và thành phần dinh dưỡng (đường, benzyl adenine, chlorocholine chloride) đến sự tạo củ bi Khoai tây ( <i>Solanum tuberosum</i> L.) trong nuôi cấy in vitro.	4	x	Khoa học ĐHQGHN 0866-8612	-	-	31(3): 9-15.	9/2015

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

96.	Điều tra cây thuốc và kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của đồng bào dân tộc Tày ở xã Văn An, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn	4		Khoa học ĐHQGHN 0866-8612	-	-	31(4): 45-55.	12/2015
97.	Tính đa dạng sinh học của các loài Trà mi ( <i>Camellia L.</i> ) ở tỉnh Lâm Đồng.	3	x	Khoa học ĐHQGHN 0866-8612	-	-	31(4S): 39-43.	12/2015
98.	Phân loại họ Trám ( <i>Buseraceae Kunth</i> ) ở Việt Nam.	5		Báo cáo Khoa học về Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật. Hội nghị khoa học toàn Quốc lần thứ 6 978-604-913-480-1	-	-	Pp. 33-38.	2015
99.	Góp thêm một số dẫn liệu mới về hình thái ngoài của chi <i>Du sam Keteleeria</i> Carriere ở Việt Nam.	3		Báo cáo Khoa học về Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật. Hội nghị khoa học toàn Quốc lần thứ 6 978-604-913-480-1	-	-	Pp. 339-344.	2015
100.	Ghi nhận một số loài thuộc chi <i>Michelia L.</i> , họ Ngọc lan ( <i>Magnoliaceae Juss.</i> ) tại Khu bảo tồn thiên nhiên Bát Đại Sơn, huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang.	3	x	Khoa học ĐHQGHN 0866-8612	-	-	30(2): 61-70.	6/2014
101.	Điều tra cây thuốc và giá trị sử dụng theo kinh nghiệm của đồng bào dân tộc Sán Diu ở tỉnh Thái Nguyên.	6		Khoa học ĐHQGHN 0866-8612	-	-	30(3): 7-16.	9/2014
102.	Khảo sát khả năng nhân giống cây Trà my hoa đỏ ( <i>Camellia piquetiana</i> ) in vitro.	3		Khoa học ĐHQGHN 0866-8612	-	-	30(3): 17-25.	9/2014

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

103.	Bước đầu nghiên cứu các kiểu thảm thực vật tại Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Sơn, Ngõ Luông, tỉnh Hòa Bình.	3	x	VNU J of Sciences 0866-8612	-	-	30(4): 30-39.	12/2014
104.	Study on Taxonomy of the Genus <i>Loxogramme</i> (Blume) C. Presl in Vietnam.	4	x	VNU J of Sciences 0866-8612	-	-	30(3S): 72-77.	9/2014
105.	Study on Taxonomy of the Genus <i>Horsfieldia</i> Willd. (Myristicaceae) in Vietnam.	3		VNU J of Sciences 0866-8612	-	-	30(3S): 110-116.	9/2014
106.	Định tính Coumarin và đánh giá hiệu quả kháng khuẩn của dịch chiết từ một số loài cây thuốc của đồng bào dân tộc Dao, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.	4	x	Khoa học ĐHQGHN 0866-8612	-	-	29(2): 24-30.	6/2013
107.	Nghiên cứu sơ bộ hiện trạng và đề xuất giải pháp bảo tồn các loài thực vật bị đe dọa tuyệt chủng tại khu bảo tồn thiên nhiên Hang Kia - Pà Cò, tỉnh Hòa Bình.	3	x	Khoa học ĐHQGHN 0866-8612	-	-	29(4): 36-43.	12/2013
108.	Điều tra các bài thuốc tắm của đồng bào dân tộc Dao ở tỉnh Thái Nguyên.	6		Dược liệu 1859-4735	-	-	18(3): 127-132	9/2013
109.	Cơ sở phân loại chi Dẻ cau ( <i>Lithocarpus</i> Blume) thuộc họ Dẻ (Fabaceae Dumort.) ở Việt Nam.	5		Báo cáo Khoa học về Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật. Hội nghị khoa học toàn quốc lần thứ 5 Hà Nội. 978-604-800730-2	-	-	127-131	2013

110.	Điều tra cây thuốc và kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của đồng bào dân tộc Sán Chí tại xã Phú Đình, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên.	4		Báo cáo Khoa học về Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật. Hội nghị khoa học toàn quốc lần thứ 5 Hà Nội. 978-604-800730-2	-	-	1086-1094.	2013
111.	The role of different medium and plant hormones on multiple shoots of Jewel orchids ( <i>Anoectochilus setaceus</i> Blume).	7	x	VNU J of Sciences 0866-8612	-	-	28(1): 47-53.	3/2012
112.	Thực trạng các loài cây thuốc quý hiếm tại tỉnh Thái Nguyên.	5	x	Khoa học ĐHQGHN 0866-8612	-	-	28(3): 173-194.	9/2012
113.	Medicinal plant diversity at Vu Quang National Park, Ha Tinh province.	2	x	Khoa học ĐHQGHN 0866-8612	-	-	28(2S): 45-49.	6/2012
114.	Điều tra cây thuốc và kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của đồng bào dân tộc Sán Chí ở huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.	4		Dược liệu. 0868-3859	-	-	17(1): 3-8.	2012
115.	Ứng dụng công nghệ GIS xây dựng cơ sở dữ liệu về các loài cây thuốc bị đe dọa tại tỉnh Thái Nguyên phục vụ công tác bảo tồn.	6		Dược liệu. 1859-4735	-	-	17(3): 131-137	2012
116.	Đánh giá tính đa dạng nguồn cây thuốc quý hiếm thuộc diện bảo tồn ở tỉnh Thái Nguyên.	5		Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, Tập	-	-	90(2): 9-14.	6/2012
117.	Điều tra các loài cây thuốc và giá trị sử dụng của chúng theo kinh nghiệm của đồng bào dân tộc Nùng ở xã Tân Thành, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.			Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam: Tạp chí Khoa học và Công Nghệ 0866-708X	-	-	50(3E): 1231- 1239	2012

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: .....

**8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:**

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1.	Điều chỉnh, cập nhật CTĐT tiến sĩ chuyên ngành Sinh thái học	Chủ trì	887/QĐ-ĐHKHTN 30/3/2018	Trường Đại học KHTN	3048/QĐ-ĐHKHTN 30/8/2018	
2.	Điều chỉnh, cập nhật CTĐT tiến sĩ chuyên ngành Sinh lý Thực vật học	Chủ trì	889/QĐ-ĐHKHTN 30/3/2018	Trường Đại học KHTN	3046/QĐ-ĐHKHTN 30/8/2018	
3.	Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo (CTĐT) tiến sĩ chuyên ngành Thực vật học	Chủ trì	890/QĐ-ĐHKHTN 30/3/2018	Trường Đại học KHTN	3045/QĐ-ĐHKHTN 30/8/2018	
4.	Điều chỉnh, cập nhật CTĐT tiến sĩ chuyên ngành Thủy sinh học	Chủ trì	891/QĐ-ĐHKHTN 30/3/2018	Trường Đại học KHTN	3044/QĐ-ĐHKHTN 30/8/2018	
5.	Điều chỉnh, cập nhật CTĐT tiến sĩ chuyên ngành Côn trùng học	Chủ trì	893/QĐ-ĐHKHTN 30/3/2018	Trường Đại học KHTN	3042/QĐ-ĐHKHTN 30/8/2018	
6.	Điều chỉnh, cập nhật CTĐT tiến sĩ chuyên ngành Động vật học	Chủ trì	895/QĐ-ĐHKHTN 30/3/2018	Trường Đại học KHTN	3039/QĐ-ĐHKHTN 30/8/2018	
7.	Điều chỉnh CTĐT đại học Khoa Sinh học: - CTĐT chuẩn Sinh học; - CTĐT Tài năng Sinh học; - CTĐT chuẩn quốc tế Sinh học; - CTĐT Chuẩn Công nghệ Sinh học; - CTĐT chất lượng cao Công nghệ Sinh học.	Chủ trì	04/ĐHKHTN-HĐĐT 31/7/2019	Trường Đại học KHTN	3343/QĐ-ĐHKHTN 25/10/2019	
8.	Xây dựng đề án CTĐT chất lượng cao trình độ đại học theo Thông tư 23 của Bộ Giáo dục & Đào tạo, ngành Công nghệ Sinh học	Chủ trì	02/ĐHKHTN-HĐĐT 06/01/2016	Đại học Quốc gia Hà Nội	628/QĐ-ĐHQGHN 28/02/2017	

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
9.	Điều chỉnh, cập nhật CTĐT Đại học Khoa Sinh học: - CTĐT chuẩn Sinh học. CTĐT chuẩn Công nghệ Sinh học. - CTĐT chuẩn quốc tế Sinh học. - CTĐT Tài năng Sinh học.	Chủ trì	09/ ĐHKHTN- HĐĐT 23/04/2015	Đại học Quốc gia Hà Nội	3599/QĐ-ĐHQGHN 30/09/2015	
10.	Điều chỉnh CTĐT thạc sĩ theo chuẩn đầu ra ngành Sinh học: (Động vật học, Thực vật học, Sinh học Thực nghiệm, Sinh thái học, Di truyền học, Vi sinh vật học và Sinh thái học).	Tham gia	04/HĐ-SDH 14/01/2015	Đại học Quốc gia Hà Nội	4244/QĐ-ĐHQGHN 29/10/2015	
11.	Hoàn thiện chuẩn đầu ra và điều chỉnh CTĐT theo chuẩn đầu ra: CTĐT chuẩn ngành Sinh học.	Tham gia	64/HĐ-ĐT 16/12/2011	Đại học Quốc gia Hà Nội		
12.	Hoàn thiện chuẩn đầu ra và điều chỉnh CTĐT theo chuẩn đầu ra: CTĐT tài năng ngành Sinh học.	Tham gia	65/HĐ-ĐT 16/12/2011	Đại học Quốc gia Hà Nội		
13.	Hoàn thiện chuẩn đầu ra và điều chỉnh CTĐT theo chuẩn đầu ra: CTĐT chuẩn ngành Công nghệ Sinh học.	Tham gia	66/HĐ-ĐT 16/12/2011	Đại học Quốc gia Hà Nội		
14.	Hoàn thiện chuẩn đầu ra và điều chỉnh CTĐT đạt trình độ Quốc tế ngành Sinh học.	Tham gia	67/HĐ-ĐT 16/12/2011	Đại học Quốc gia Hà Nội		
15.	Xây dựng đề cương chi tiết các môn học thuộc Khung CTĐT đạt trình độ Quốc tế ngành Sinh học.	Tham gia	3481/HĐ-ĐT 29/12/2009	Đại học Quốc gia Hà Nội		

**9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:**

**c) Nghiên cứu khoa học**

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 TKH: ; 04 CTKH:

Đề chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(1). **Nguyen Trung Thanh**, Hosakatte Niranjana Murthy and Paek Kee Yoeup. Chapter 6. Ginseng cell culture for production of ginsenosides. In: Production of biomass and Bioactive compounds using bioreactor technology: Springer Dordrecht Heidelberg New York London, 2014, pp 121-142. DOI 10.1007/978-94-017-9223-3\_6

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2023

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**



**Nguyễn Trung Thành**